

Rx: Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

Trazolin

Tetrahydrozolin hydroclorid (Tetryzolin hydroclorid) 0,05%

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



Thành phần:

Mỗi ml chứa:

Thành phần hoạt chất:

Tetrahydrozolin hydroclorid (Tetryzolin hydroclorid)..... 0,5 mg

Thành phần tá dược: Benzalkonium clorid, natri edetat, hypromellose, acid boric, natri perborat, nước pha tiêm vừa đủ.

Dạng bào chế: Dung dịch nhỏ mắt

Mô tả: Dung dịch trong suốt, không có tiểu phân lạ.

pH: 5,0 – 7,0

Chỉ định

Trazolin là dung dịch nhỏ mắt được chỉ định trong các trường hợp sau: Kích ứng mắt do các yếu tố hóa học và vật lý (khói, gió, nước khử trùng bằng clo, do tiếp xúc với ánh sáng quá mức); dị ứng mắt liên quan đến viêm mũi dị ứng hoặc quá mẫn cảm với phấn hoa.

Liều dùng và cách dùng

Đường dùng: chỉ dùng để nhỏ mắt.

Nhỏ một giọt vào túi kết mạc của mắt bị bệnh, 2-3 lần/ngày.

Nên tránh sử dụng lâu dài và quá liều, đặc biệt là ở trẻ em. Nếu sử dụng nhiều hơn 5 ngày, cần có sự giám sát của bác sĩ.

Để tránh nhiễm bẩn, không để đầu ống chạm vào mắt hoặc các vật khác.

Để tránh sự hấp thu toàn thân có thể xảy ra, đặc biệt là ở trẻ em, nên đặt ngón tay vào tuyến lệ trong 1 phút sau khi nhỏ thuốc vào mắt.

Lưu ý với bệnh nhân đeo kính áp tròng: Không nên dùng kính áp tròng trong thời gian điều trị. Trường hợp kính áp tròng được phép sử dụng, cần tháo kính trước khi nhỏ thuốc và đeo lại sau khi nhỏ thuốc ít nhất 15 phút.

Chống chỉ định

Mẫn cảm với dược chất hoặc bất kì thành phần tá dược nào.

Tăng nhãn áp góc đóng.

Trẻ em dưới 2 tuổi.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Không nên dùng Trazolin trong các trường hợp sau:

Bệnh lý tim mạch nghiêm trọng (ví dụ: bệnh mạch vành, tăng huyết áp)

U tùy thượng thận

Phi đại tuyến tiền liệt

Rối loạn chuyển hóa (như cường giáp, rối loạn chuyển hóa porphyria)

Đang dùng các thuốc IMAO và thuốc có nguy cơ gây tăng huyết áp.

Viêm mũi mạn tính khô màng nhày.

Viêm kết mạc do khô mắt

Tăng nhãn áp.



Trong trường hợp khô mắt, nên sử dụng nước mắt nhân tạo thay vì sử dụng Trazolin. Nên tránh sử dụng lâu dài và quá liều, đặc biệt là ở trẻ em. Việc sử dụng thuốc ở trẻ em với liều cao cần được thực hiện dưới sự giám sát y tế.

Chống chỉ định với tăng nhãn áp góc đóng. Với các loại bệnh tăng nhãn áp khác, cần sử dụng thận trọng và có giám sát của bác sĩ.

Bệnh nhân sử dụng Trazolin cần lưu ý rằng đỏ mắt thường là dấu hiệu của bệnh mắt nghiêm trọng, do đó cần tham khảo ý kiến bác sĩ.

Trường hợp xuất hiện tác dụng không mong muốn như đỏ mắt cấp tính, đau mắt hoặc đau đầu, giảm hoặc mất thị lực, nhức mắt dưới ánh sáng, ngừng thuốc và tham khảo ý kiến bác sĩ.

Lưu ý cho người đeo kính áp tròng:

Trong trường hợp mắt bị kích ứng, tốt hơn là nên đeo kính mắt do mắt bị ảnh hưởng bởi các triệu chứng của bệnh. Nếu bác sĩ cho phép sử dụng kính áp tròng, người bệnh cần tháo kính trước khi dùng thuốc và không đeo lại trong vòng 15 phút kể từ khi nhỏ mắt.

Benzalkonium clorid có thể gây kích ứng mắt và làm đổi màu của kính áp tròng mềm.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Không có dữ liệu về việc thuốc ảnh hưởng đến sự phát triển của nhau thai và vào được sữa mẹ. Do có thể có tác dụng phụ toàn thân, nên tránh sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Trong một số ít trường hợp, mờ mắt và giãn đồng tử có thể ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Việc sử dụng đồng thời với các thuốc IMAO, thuốc chống trầm cảm ba vòng cũng như các thuốc điều trị tăng huyết áp có thể làm tăng huyết áp do tăng hiệu ứng co mạch. Do đó nên tránh kết hợp với các loại thuốc này.

Tác dụng không mong muốn của thuốc

Các tác dụng không mong muốn của tetrahydrozolin hydroclorid (tetryzolin hydroclorid) được liệt kê dưới đây theo tần suất gặp (Thường gặp: $ADR > 1/100$; Ít gặp: $1/1000 < ADR < 1/100$; Hiếm gặp: $1/10.000 < ADR < 1/1000$; Rất hiếm gặp: $ADR < 1/10.000$; Không được biết đến: Không thể ước lượng được từ các dữ liệu có sẵn).

Hệ cơ quan	Phản ứng bất lợi	Tần số
Rối loạn mắt	Giãn đồng tử	Hiếm gặp
	Keratin hóa biểu mô kết mạc với tắc tuyến lệ, chảy nước mắt sau khi dùng tetrahydrozolin hydroclorid (tetryzolin hydroclorid) kéo dài	Rất hiếm gặp
	Kích ứng kết mạc, mờ mắt	Không được biết đến
Rối loạn chung	Tăng sung huyết, đỏ, khô niêm mạc	Thường gặp
	Các tác dụng toàn thân (ví dụ như đánh trống ngực, đau đầu, run, yếu cơ, ra mồ hôi và tăng huyết áp)	Thường gặp
	Nóng mắt và quanh hốc mắt, ban đỏ, kích thích, phù nề, đau, ngứa	Không được biết đến

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

39;
IG
PH
CF
H/
TIN



Quá liều và cách xử trí

Khi sử dụng tại chỗ trên mắt, nguy cơ quá liều không được biết đến, tuy nhiên tetrahydrozolin hydroclorid (tetryzolin hydroclorid) có thể gây ra các tác dụng nghiêm trọng nếu vô tình uống phải.

Các triệu chứng quá liều:

Các triệu chứng của quá liều bao gồm giãn đồng tử, buồn nôn, tím tái, sốt, co giật, nhịp tim nhanh, loạn nhịp tim, ngừng tim, tăng huyết áp, phù phổi, rối loạn hô hấp, rối loạn tâm thần, cũng có thể gặp triệu chứng ức chế thần kinh trung ương: buồn ngủ, hạ thân nhiệt, nhịp tim chậm, sốc hạ huyết áp, ngưng thở và hôn mê.

Đặc biệt đối với trẻ nhỏ, quá liều có thể dẫn đến rối loạn thần kinh trung ương, suy hô hấp, trụy tim mạch. 0,01 mg tetrahydrozolin (tetryzolin) mỗi kg trọng lượng cơ thể được coi là liều độc.

Xử trí:

Dùng than hoạt tính, rửa dạ dày, thông khí oxy, hạ sốt và điều trị chống co giật. Chống chỉ định các thuốc co mạch. Nếu các triệu chứng kháng cholinergic xảy ra, dùng thuốc giải độc như physostigmin.

Đặc tính dược lực học

Nhóm tác dụng dược lý: Thuốc nhãn khoa; kích thích giao cảm

Mã ATC: S01GA02

Tetrahydrozolin (tetryzolin) là một chất trực tiếp kích thích hệ thần kinh giao cảm α -adrenergic, ít hoặc không ảnh hưởng đến thụ thể β -adrenergic, có tác dụng làm co mạch và giảm tiết dịch nhầy ở mũi.

Đặc tính dược động học

Dữ liệu dược động học với đường dùng tại chỗ là không có sẵn. Thuốc có tác dụng sau khi nhỏ mắt vài phút và kéo dài 4 -8 giờ. Khi sử dụng tại chỗ, việc hấp thu tetrahydrozolin (tetryzolin) là không đáng kể, tuy nhiên nếu có tổn thương niêm mạc với tổn thương biểu mô, việc hấp thu toàn thân là không thể loại trừ.

Quy cách đóng gói:

0,5 ml/ống. Hộp 20 ống

5 ml/lọ. Hộp 1 lọ

10 ml/lọ. Hộp 1 lọ

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. 15 ngày sau khi mở nắp.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở

Hướng dẫn sử dụng

Đối với thể tích ≤ 1 ml:



Tách ống ra khỏi vỉ, kiểm tra tính nguyên vẹn của ống trước khi mở



Vặn nắp rời ống thuốc và giữ sạch đầu nắp



Giữ ống càng gần mắt càng tốt nhưng không chạm vào mắt, bóp nhẹ, nhỏ từng giọt vào mắt



Đậy nắp lại sau khi sử dụng

Đối với thể tích > 1 ml:



Không cắt đầu lọ bằng dao kéo



Vặn nắp vào đến mức tối đa để đầu kim đâm vào ống tạo lỗ nhỏ giọt



Vặn nắp ra để tháo nắp, bóp nhẹ, nhỏ từng giọt vào mắt



Vặn chặt nắp sau mỗi lần sử dụng

Nhà sản xuất:



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

